TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/DS-ST
Ngày 19 - 9 - 2025
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - BẮC NINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh
Ông Nguyễn Văn Thanh
- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 04/7/2025. Quyết định hoãn phiên toà số: 24/2025/QĐST-DS ngày 25/7/2025. Quyết định hoãn phiên toà số: 43/2025/QĐST-DS ngày 22/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V. Trụ sở: Số 89 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Nay là số 89 đường Láng Hạ, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội. Do ông Nguyễn Thành H, ông Trần Văn V, ông Trịnh Văn T, Chuyên viên xử lý nợ đại diện theo ủy quyền. Địa chỉ liên hệ: Tầng 4, số 28-30, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay là tầng 4, số 28-30, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh (ông V có mặt);

- Bị đơn: 1. Anh Hà Quốc K, sinh năm 1984 (vắng mặt);
2. Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Đều cư trú: Thôn H, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn H, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1. Ông Hà Đức H, sinh năm 1956 (vắng mặt);
2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Đều cư trú: Thôn H, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn H, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V. Do ông Trần Văn V, Chuyên viên xử lý nợ đại diện theo ủy quyền trình bày*: Theo Hợp đồng cho vay số LN2401081477316 ngày 11/01/2024 và giải ngân theo khế ước nhận nợ, Ngân hàng TMCP V có cho vợ chồng ông Hà Quốc K, bà Hoàng Thị Đ vay 1.400.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn mua bán điện dân dụng, điện máy, hàng kim khí, điện thoại các loại không đăng ký kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 6,99%/năm cố định trong 3 tháng, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả.

Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dích vụ ngân hàng điện tử ngày 24/02/2022. Ngân hàng TMCP V có cho vợ chồng ông K, bà Đ vay 150.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi xuất theo quy định của Ngân hàng TMCP V. Ngoài ra vợ chồng anh K, chị Đ còn nợ Thẻ tín dụng số 179-P-3974764 mở ngày 19/01/2022 với số tiền là 50.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất: Thôn Hoa, xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, diện tích 422,3m^2, trong đó có 360m^2 đất ở và 62,3m^2 đất trồng cây lâu năm. Được UBND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành P 729702, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01765/QSDĐ/QĐ1694QĐ/UB(H) ngày 24/8/2004, mang tên người sử dụng là Hộ ông Hà Đức H. Tại trang IV ghi những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: Phân chia tài sản cho ông Hà Quốc K ngày 28/12/2021. Theo Hợp đồng thế chấp số LN2201115061468/NGT/HĐTC ngày 14/01/2022; số công chứng 343, Quyển số: 01/2022.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/01/2022, tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Ngọc. Đăng ký thế chấp ngày 17/01/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hà Quốc K, bà Hoàng Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 16/12/2024. Dự nợ của ông K, bà Đ tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 1.510.545.907 đồng tiền nợ gốc, 191.252.019 đồng tiền nợ lãi và 10.109.983 đồng lãi chậm trả. Tổng cộng cả gốc, nợ lãi và lãi chậm trả là 1.711.907.908 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP V đề nghị Toà án buộc ông Hà Quốc K, bà Hoàng Thị Đ phải có trách nhiệm trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 1.510.545.907 đồng tiền nợ gốc, 191.252.019 đồng tiền nợ lãi và 10.109.983 đồng lãi chậm trả. Tổng cộng cả gốc, nợ lãi và lãi chậm trả là 1.711.907.908 đồng. Cùng lãi suất phát sinh kể từ ngày 26/7/2025 theo quy định tại các Hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Hà Quốc K, bà Hoàng Thị Đ không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất: Thôn Hoa, xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, diện tích 422,3m^2, trong đó có 360m^2 đất ở và 62,3m^2 đất trồng cây lâu năm. Được UBND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành P 729702, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01765/QSDĐ/QĐ1694QĐ/UB(H) ngày 24/8/2004, mang tên người sử dụng là Hộ ông Hà Đức H. Tại trang IV ghi những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: Phân chia tài sản cho ông Hà Quốc K ngày 28/12/2021. Theo Hợp đồng thế chấp số LN2201115061468/NGT/HĐTC ngày 14/01/2022; số công chứng 343, Quyển số: 01/2022.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/01/2022, tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Ngọc. Đăng ký thế chấp ngày 17/01/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang để thu hồi nợ. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông K, bà Đ để thu hồi nợ theo pháp luật. Ông K, bà Đ phải chịu các khoản chi phí tố tụng.

** Bị đơn:*

1. Anh Hà Quốc K tại lời khai ngày 09/4/2025 trình bày: Gia đình anh gồm bố mẹ tôi (ông Hà Đức H, bà Nguyễn Thị Đ), vợ chồng anh đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, nhưng vì công việc bận nên gia đình anh không thể đến Toà án làm việc được, hôm nay anh mới đại diện gia đình đến toà án làm việc.

Gia đình anh hiện có bố anh là Hà Đức H, sinh năm 1956, mẹ anh là Nguyễn Thị T, sinh năm 1956 hiện ở chung cùng nhà. Anh có vợ là Hoàng Thị Đ, sinh năm 1984, vợ chồng anh sinh được 3 người con là Hà Bảo K, sinh năm 2009 hiện đang học lớp 10 Trường cao đẳng nghề Bắc Giang (trường hai), Hà Bảo T, sinh năm 2011, Hà Bảo N, sinh năm 2011 (sinh đôi). Các con anh còn nhỏ sống phụ thuộc vào gia đình bố mẹ, không liên quan gì đến việc giao kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đối với Ngân hàng TMCP V.

Căn cứ Hợp đồng cho vay số LN2401081477316 ngày 11/01/2024 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm ngày 24/02/2022 (gọi tắt là thẻ tín dụng). Thì vợ chồng anh có vay tiền của Ngân hàng TMCP V, như Ngân hàng TMCP V trình bày là đúng. Số tiền này sau khi vay xong anh lại cho cậu em ruột vợ anh (anh Hoàng Văn L, sinh năm 1991 trú tại: Thôn C, xã M, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang) vay lại để làm ăn kinh tế. Do làm ăn thua lỗ nên anh L không có tiền trả anh để anh trả Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP V số tiền gốc và lãi suất còn nợ vợ chồng anh hoàn toàn đồng ý. Nếu không trả được vợ chồng anh hoàn toàn đồng ý để cơ quan pháp luật thanh lý tài sản bảo đảm của gia đình để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Còn việc anh Hoàng Văn L vay lại tiền của vợ chồng anh. Vì là quan hệ gia đình, mặt khác anh L đang làm ăn thua lỗ, nên vợ chồng anh không đề nghị Toà án giải quyết

trong vụ án này, mà trước mắt vợ chồng anh sẽ có trách nhiệm trả Ngân hàng sau này vợ chồng anh và anh L sẽ thoả thuận sau.

2. Chị Hoàng Thị Đ, tại lời khai ngày 21/7/2025 trình bày: Chị là vợ anh Hà Quốc K, chị hoàn toàn đồng ý với ý kiến anh K.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hà Đức H, tại lời khai ngày 21/7/2025 trình bày: Ông là bố đẻ anh Hà Quốc K, ông hoàn toàn đồng ý với ý kiến anh K.

2. Bà Nguyễn Thị T, tại lời khai ngày 21/7/2025 trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Hà Quốc K, bà hoàn toàn đồng ý với ý kiến anh K.

Tại phiên tòa hôm nay: Ngân hàng TMCP V. Do ông Trần Văn V. Chuyên viên xử lý nợ đại diện theo ủy quyền có mặt giữ nguyên yêu cầu trên. Anh K, chị Đ, ông H, bà T đều vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng TMCP V. Do ông Trần Văn V, Chuyên viên xử lý nợ đại diện theo ủy quyền có mặt. Anh K, chị Đ, ông H, bà T đều vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 8, 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 100, 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Điều 54 Luật công chứng. Điều 167, 188 Luật đất đai năm 2013. Điều 27, 45 Luật Đất đai năm 2024. Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc vợ chồng anh Hà Quốc K, chị Hoàng Thị Đ phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 1.510.545.907 đồng tiền nợ gốc; 191.252.019 đồng tiền nợ lãi và 10.109.983 đồng lãi chậm trả. Tổng cộng cả gốc, nợ lãi và lãi chậm trả là 1.711.907.908 đồng (một tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm linh bảy nghìn chín trăm linh tám đồng). Cùng lãi suất phát sinh kể từ ngày 26/7/2025 theo các Hợp đồng cho vay số LN2401081477316 ngày 11/01/2024, Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/02/2022. Thẻ tín dụng số 179-P-3974764 mở ngày 19/01/2022, theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, đến khi trả hết nợ của các Hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay

theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà người phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp anh Hà Quốc K, chị Hoàng Thị Đ không trả được hoặc trả không hết số tiền nợ theo các Hợp đồng nêu trên, thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Bắc Ninh xử lý tài sản bảo đảm theo Theo Hợp đồng thế chấp số LN2201115061468/NGT/HĐTC ngày 14/01/2022 để thu hồi nợ. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu Phòng thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Hà Quốc K, chị Hoàng Thị Đ để thu hồi nợ. Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, việc thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP V, khởi kiện đòi tiền cho vay đối với anh K, chị Đ không có đăng ký kinh doanh. Anh K, chị Đ đều có địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ tài sản thế chấp đều ở thôn H, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, nay là thôn H, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh. Nội dung: Ngân hàng TMCP V đòi tiền gốc, lãi suất và đề nghị xử lý tài sản bảo đảm. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự, hợp đồng tín dụng, phạm vi khởi kiện là đòi tiền gốc, lãi suất và xử lý tài sản bảo đảm, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng TMCP V. Do ông Trần Văn V, Chuyên viên xử lý nợ đại diện theo ủy quyền có mặt. Anh K, chị Đ, ông H, bà T đều vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng cho vay số LN2401081477316 ngày 11/01/2024, Ngân hàng TMCP V có cho vợ chồng anh Hà Quốc K, chị Hoàng Thị Đ vay 1.400.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để mua bán điện dân dụng, điện máy, hàng kim khí, điện thoại các loại không đăng ký kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 6,99%/năm cố định trong 3 tháng, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp

dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/02/2022. Ngân hàng TMCP V có cho vợ chồng anh K, chị Đ vay 150.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi xuất theo quy định của Ngân hàng TMCP V. Ngoài ra vợ chồng anh K, chị Đ còn nợ Thẻ tín dụng số 179-P-3974764 mở ngày 19/01/2022 với số tiền là 50.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh K, chị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 16/12/2024. Hợp đồng cho vay đã được các bên thống nhất thoả thuận, ký kết với những người có đủ thẩm quyền, có đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy xác định hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện. Anh K, chị Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 16/12/2024, nên Ngân hàng TMCP V khởi kiện anh K, chị Đ tại Toà án là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ gốc: Số tiền nợ gốc 1.510.545.907 đồng Ngân hàng TMCP V khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, anh K, chị Đ đều thừa nhận do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hiện còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc nêu trên. Căn cứ Hợp đồng cho vay, bảng kê chi tiết về trả nợ gốc và trả lãi, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. HĐXX xét thấy do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hiện vợ chồng anh K, chị Đ còn nợ Ngân hàng TMCP V 1.510.545.907 đồng tiền gốc chưa thanh toán là có căn cứ. Đây là chứng cứ không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh K, chị Đ phải có trách nhiệm trả Ngân hàng TMCP V số tiền gốc còn nợ nêu trên là có căn cứ cần chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Điều 8, 90, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

[2.3] Về yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả lãi: Tại Điều 1 Hợp đồng cho vay số LN2401081477316 ngày 11/01/2024, xác định lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 6,99%/năm cố định trong 3 tháng, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/02/2022 và Thẻ tín dụng số 179-P-3974764 mở ngày 19/01/2022. Xác định lãi xuất theo quy định của Ngân hàng TMCP V. Số tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi chậm trả lãi mà Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu vợ chồng anh Khánh, chị Đạt trả tạm tính đến hết ngày 25/7/2025 tổng là 201.362.002 đồng. Xét thấy, thoả thuận về lãi suất

trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi chậm trả lãi giữa các bên trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Nên yêu cầu khởi kiện đòi lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi chậm trả lãi của Ngân hàng TMCP V đối với vợ chồng anh K, chị Đ nêu trên là có căn cứ cần chấp nhận phù hợp Điều 468 Bộ luật Dân sự. Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất: Thôn Hoa, xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn Hoa, xã Mỹ Thái, Tỉnh Bắc Ninh), diện tích 422,3m^2, trong đó có 360m^2 đất ở và 62,3m^2 đất trồng cây lâu năm. Được UBND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành P 729702, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01765/QSDĐ/QĐ1694QĐ/UB(H) ngày 24/8/2004, mang tên người sử dụng là Hộ ông Hà Đức H. Tại trang IV ghi những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: Phân chia tài sản cho ông Hà Quốc K ngày 28/12/2021. Theo Hợp đồng thế chấp số LN2201115061468/NGT/HĐTC ngày 14/01/2022; số công chứng 343, Quyển số: 01/2022.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/01/2022, tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Ngọc. Đăng ký thế chấp ngày 17/01/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai liên xã Lạng Giang). Xét thấy, Hợp đồng đã được các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, thống nhất thoả thuận, tự nguyện tham gia ký kết với những người có đủ thẩm quyền. Hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp Điều 54 Luật công chứng, Điều 167, Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Điều 27, Điều 45 Luật Đất đai năm 2024. Do vậy hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện. Trường hợp anh K, chị Đ không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Phòng thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP V đã nộp 5.000.000đ để chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ. Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ đã chi phí hết. Do anh K, chị Đ là người thua kiện, nên cần buộc vợ chồng anh K, chị Đ phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP V số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nêu trên.

[5] Về án phí: Anh Hà Quốc K, chị Hoàng Thị Đ phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 8, 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 100, 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Điều 54 Luật công chứng. Điều 167, 188 Luật đất đai năm 2013. Điều 27, 45 Luật Đất đai năm 2024. Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc vợ chồng anh Hà Quốc K, chị Hoàng Thị Đ phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 1.510.545.907 đồng tiền nợ gốc; 191.252.019 đồng tiền nợ lãi và 10.109.983 đồng lãi chậm trả. Tổng cộng cả gốc, nợ lãi và lãi chậm trả là 1.711.907.908 đồng (một tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm linh bảy nghìn chín trăm linh tám đồng). Cùng lãi suất phát sinh kể từ ngày 26/7/2025 theo các Hợp đồng cho vay số LN2401081477316 ngày 11/01/2024, Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/02/2022. Thẻ tín dụng số 179-P-3974764 mở ngày 19/01/2022, theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, đến khi trả hết nợ của các Hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà người phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp anh Hà Quốc K, chị Hoàng Thị Đ không trả được hoặc trả không hết số tiền nợ theo các Hợp đồng nêu trên, thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Bắc Ninh xử lý tài sản bảo đảm theo Theo Hợp đồng thế chấp số LN2201115061468/NGT/HĐTC ngày 14/01/2022 để thu hồi nợ. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Phòng thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Hà Quốc K, chị Hoàng Thị Đ để thu hồi nợ.

Buộc anh Hà Quốc K, chị Hoàng Thị Đ phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP V 5.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

2. Về án phí: Anh Hà Quốc K, chị Hoàng Thị Đ phải chịu 63.357.000đ (sáu ba triệu ba trăm năm bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V 29.459.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0003818. ngày 20/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Bắc Ninh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thân Trọng Khôi